

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẬC 3/6
KỲ THI NGÀY 09/03/2025

(Kèm theo Quyết định số: 08/QĐ-ĐTTX&NNTH ngày 20 tháng 03 năm 2025)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	HT			
1	Võ Quốc An	20/10/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	6,0	5,0	5,0	5,5	Đạt	
2	Nguyễn Tấn Bảo	12/11/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	8,0	5,0	5,0	6,0	Đạt	
3	Đỗ Thị Chi	10/02/1974	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,0	4,0	5,0	5,5	Đạt	
4	Võ Thị Bé Chi	20/04/1973	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	8,0	3,0	5,0	5,0	Đạt	
5	Nguyễn Thị Hồng Diễm	08/11/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	8,0	5,0	5,0	5,5	Đạt	
6	Trần Thị Thùy Dung	15/06/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	9,0	7,0	6,0	6,5	Đạt	
7	Phan Tấn Dũng	22/09/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,5	8,0	4,0	5,0	5,5	Đạt	
8	Nguyễn Thành Đại	06/08/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	8,0	5,0	6,0	6,0	Đạt	
9	Ngô Quang Đạt	30/09/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,5	7,0	3,0	4,0	4,5	Đạt	
10	Phạm Nhật Hải	27/03/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,5	6,5	4,0	4,0	5,0	Đạt	
11	Trần Thị Thu Hạnh	30/10/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,5	8,0	6,0	6,0	6,0	Đạt	
12	Bùi Thị Mỹ Hằng	16/08/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	6,0	5,0	6,0	5,0	Đạt	
13	Huỳnh Văn Hậu	25/08/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	7,5	4,0	6,0	5,0	Đạt	
14	Dương Thị Lệ Hiền	01/08/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	6,0	4,0	6,0	5,0	Đạt	
15	Bùi Trung Hiệp	24/04/1993	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,0	7,0	5,0	5,0	5,5	Đạt	
16	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	14/03/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,0	7,5	5,0	6,0	5,5	Đạt	

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT			
17	Hồ Đoàn Kim	Huy	09/06/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,0	5,5	3,0	7,0	5,0	Đạt	
18	Lê Chánh	Huy	01/11/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,0	7,0	4,0	6,0	5,5	Đạt	
19	Võ Quang	Huy	06/07/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	8,0	7,0	4,0	5,5	Đạt	
20	Phạm Thị Mỹ	Huyền	01/01/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	8,0	6,0	7,0	6,0	Đạt	
21	Trịnh Quốc	Hung	24/07/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	7,0	5,0	6,0	5,5	Đạt	
22	Đoàn Bảo	Khánh	24/09/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	7,0	4,0	4,0	4,5	Đạt	
23	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	11/12/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,5	7,0	5,0	6,0	5,5	Đạt	
24	Nguyễn Văn	Lĩnh	29/07/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,5	5,0	3,0	5,0	4,5	Đạt	
25	Nguyễn Phương	Lộc	14/05/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	6,0	3,0	7,0	5,5	Đạt	
26	Lê Văn	Niên	20/10/1972	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	7,0	4,0	4,0	4,5	Đạt	
27	Lê Thị Thúy	Ngân	14/02/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,5	8,0	6,0	6,0	6,5	Đạt	
28	Bùi Quang	Nhàn	17/11/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,5	8,0	5,0	5,0	5,5	Đạt	
29	Vương Quốc	Nhật	15/04/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	7,0	4,0	6,0	5,5	Đạt	
30	Võ Thị Ái	Nhi	03/02/1989	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	7,5	5,0	6,0	6,5	Đạt	
31	Nguyễn Thị Thanh	Nhiều	04/08/1974	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,5	7,0	4,0	5,0	5,5	Đạt	
32	Chế Hoài	Phương	04/02/1984	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,5	7,0	5,0	4,0	6,0	Đạt	
33	Trần Thị Thu	Phương	15/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,5	7,5	6,0	4,0	6,5	Đạt	
34	Nguyễn Tấn	Sang	27/09/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9,0	7,5	4,0	4,0	6,0	Đạt	
35	Trần Hữu	Son	16/04/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,0	7,5	4,0	6,0	6,5	Đạt	
36	Trương Thị Minh	Tiên	13/12/1974	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	7,5	5,0	4,0	6,0	Đạt	
37	Nguyễn Quang	Toản	12/02/1988	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,5	8,0	5,0	4,0	6,0	Đạt	
38	Nguyễn Minh	Tú	29/12/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,5	7,5	3,0	6,5	6,0	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	HT			
39	Đoàn Thị Ngọc	Tuệ	27/06/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,5	8,0	4,0	6,0	6,5	Đạt
40	Kiều Thị Thu	Thảo	20/12/1973	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	7,5	5,0	4,0	6,0	Đạt
41	Nguyễn Duy	Thảo	18/07/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,5	8,0	5,0	4,0	6,5	Đạt
42	Ta Thị Xuân	Thảo	28/02/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,5	7,5	5,0	6,0	6,5	Đạt
43	Nguyễn Thị	Thùy	19/02/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,5	8,0	3,0	6,5	6,5	Đạt
44	Lê Thị Thu	Thủy	25/11/1989	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	10,0	7,5	5,0	5,0	7,0	Đạt
45	Tô Thị	Thúy	03/07/1976	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	7,5	5,0	4,0	6,5	Đạt
46	Lê Thị Minh	Thư	17/10/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	8,0	8,0	6,5	8,0	Đạt
47	Đình Văn	Trí	24/08/2002	Quảng Ngãi	Nam	H're	7,5	7,0	7,0	6,5	7,0	Đạt
48	Thạch Thị Thanh	Trúc	22/03/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,5	7,5	6,0	4,5	6,5	Đạt
49	Hồ Ngọc	Trung	01/12/1975	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9,0	8,0	6,0	4,0	7,0	Đạt
50	Bùi Nguyên	Trúc	14/10/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,0	7,0	4,0	6,5	6,5	Đạt
51	Lê Thị Hồng	Vân	06/06/1975	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	7,0	4,0	5,5	6,0	Đạt
52	Lê Thị Tường	Vệ	01/06/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	8,0	4,0	4,5	6,0	Đạt
53	Nguyễn Thị Tường	Vi	19/08/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	8,0	6,0	6,0	6,5	Đạt
54	Nguyễn Thanh	Vũ	12/07/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,0	7,0	3,0	5,5	5,5	Đạt
55	Nguyễn Hữu	Vương	03/02/1980	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9,0	6,0	3,0	5,0	6,0	Đạt
56	Nguyễn Thị Thúy	Vy	11/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,5	7,5	5,0	4,0	6,5	Đạt
57	Ka Ky	Weo	02/09/2004	Quảng Ngãi	Nam	K'dong	7,0	7,0	5,0	4,0	6,0	Đạt
58	Phạm Thị Lê	Xuân	15/01/1974	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	7,5	4,0	4,0	6,0	Đạt

Danh sách này có: 58 thí sinh.